

Số: 01/2024/QĐST- DS

K, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu H1.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Nhật L – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên họp:
Bà Đặng Thị H2- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện K mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 08/2023/TLST- DS, ngày 08/11/2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn B, xã D, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Tiến C, sinh năm 1979.

2. Anh Lê Đình T, sinh năm 1977

Đều trú tại: thôn B, xã D, huyện K, tỉnh H (Đều vắng mặt).

3. Chị Lê Thị Quỳnh H3, sinh năm 1981; Trú tại: thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Những người làm chứng:

1. Ông Chu Tiên L, sinh năm 1970;

2. Ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1962;

Đều trú tại: thôn B, xã D, huyện K, tỉnh H.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà và ông Lê Đình T1 kết hôn với nhau và sinh được ba người con là anh Lê Tiến C, sinh năm 1979, anh Lê Đình T, sinh năm 1977, hiện đều trú tại: thôn B, xã D, huyện K, tỉnh H và chị Lê Thị Quỳnh H3, sinh năm 1981, hiện trú tại thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh H.

Ông T1 có bố là cụ Lê Đình N1 (đã mất năm 2012) và mẹ là cụ Lê Thị C (đã mất năm 2023).

Ông T1 là con thứ trong gia đình, có tiền sử sản nhi bình thường, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tâm thần, tính tình ông T1 hiền lành, không có mâu thuẫn với ai. Ông T1 học hết lớp 4 thì nghỉ học. Sau khi vợ chồng lấy nhau và chung sống được nhiều năm, đến năm 1991 thì ông T1 phát bệnh với biểu hiện: Không ngủ, thường xuyên chửi bới vợ con vô cớ, nói nhiều, đi lại lung tung, cho là vợ con không tốt với mình, không tin mình. Ông T1 đi lang thang khắp làng, xóm. Cho đến nay, ông T1 không nhận thức, điều khiển được hành vi của mình, không tự chăm sóc, vệ sinh cá nhân được. Trong gia đình, ngoài ông T1 bị tâm thần kinh thì không có ai bị bệnh này. Do gia đình hoàn cảnh khó khăn nên ông T1 cũng không đi khám hay điều trị ở bất cứ đâu, hiện tại ông T1 cũng không sử dụng thuốc gì. Ông T1 cũng đã được hưởng chế độ trợ cấp xã hội tại UBND xã D đối với đối tượng người thân kinh, tâm thần mức độ khuyết tật nặng.

Do ông T1 không nhận thức, điều khiển được hành vi của mình mà gia đình cần hoàn thiện các giấy tờ pháp lý có liên quan, nên bà X đề nghị Tòa án nhân dân huyện K trung cầu giám định khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của ông Lê Đình T1.

Ngày 11/01/2024, sau khi được tiếp cận kết luận giám định của Viện pháp y tâm thần trung ương, bà X nhất trí và đề nghị Tòa án tuyên bố ông Lê Đình T1 là người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi, để bà X là người giám hộ cho ông T1 trong các giao dịch dân sự, đảm bảo cho quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1.

Tại biên bản ghi lời khai của người thân trong gia đình ông T1 như anh Lê Tiến C, anh Lê Đình T, chị Lê Thị Quỳnh H3 đều nhất trí với toàn bộ lời khai, quan điểm trình bày và yêu cầu của bà X.

Tại phiên họp hôm nay:

- Người yêu cầu bà X có đơn xin vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh C, anh T, chị H3 cũng có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng là bà K1, chị H4 đều có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký: Đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của BLTTDS năm 2015 kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự cũng đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ ***Về đường lối giải quyết:*** Đề nghị Tòa án nhân dân huyện K chấp nhận yêu cầu của bà X và ra quyết định tuyên bố ông Lê Đình T1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

Về quyền yêu cầu: Bà Nguyễn Thị X là vợ của ông Lê Đình T1 nên bà X có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T1 mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Về tố tụng: Người yêu cầu là bà X có đơn xin vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh , anh T, chị H3 cũng có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng là ông L, ông N đều có quan điểm xin vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 367 của BLTTDS năm 2015 vẫn tiến hành phiên họp.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu về việc “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người bị yêu cầu cư trú tại thôn B, xã D, huyện K nên căn cứ khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Xét yêu cầu của đương sự thì thấy rằng: Ông T1 là con thứ trong gia đình, có tiền sử sản nhi bình thường, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tâm thần, tính tình ông T1 hiền lành, không có mâu thuẫn với ai. Ông T1 học hết lớp 4 thì nghỉ học. Sau khi vợ chồng lấy nhau và chung sống bình thường được nhiều năm, đến năm 1991 thì ông T1 phát bệnh với biểu hiện: Không ngủ, thường xuyên chửi bới vợ con vô cớ, nói nhiều, đi lại lung tung, cho là vợ con không tốt với mình, không tin mình. Ông T1 đi lang thang khắp làng, xóm. Trong gia đình ngoài ông T1 thì không có ai bị bệnh này. Ông T1 cũng đã được hưởng chế độ trợ cấp xã hội tại UBND xã D đối với đối tượng người thân kinh, tâm thần mức độ khuyết tật nặng.

Bên cạnh đó, để có căn cứ xác đáng đối với yêu cầu của bà X, ngày 17/11/2023, Tòa án nhân dân huyện K đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với ông Lê Đình T1. Tại kết luận giám định sức khỏe tâm thần số: 333/KLGĐ, ngày 10/01/2024 của Viện pháp y tâm thần Trung Ương đã kết luận: *Tại thời điểm giám định đối tượng Lê Đình T1 bị bệnh rối loạn hoang tưởng dai dẳng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F22. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi.*

Xét T1 trạng thực tế và kết quả giám định pháp y tâm thần của ông T1 là phù hợp với pháp luật về điều kiện yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Do đó yêu cầu của bà X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuyên bố ông Lê Đình T1 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được tòa án nhân dân huyện K chấp nhận.

[5] **Về chỉ định người giám hộ cho ông Lê Đình T1:** Căn cứ theo khoản 4 Điều 54, khoản 1 Điều 53 BLDS năm 2015 thì ông Lê Đình T1 có vợ là bà Nguyễn

Thị X và các con là anh Lê Tiến C, anh Lê Đình T, chị Lê Thị Quỳnh H3. Tất cả đều nhất trí nhất trí để bà X là người giám hộ cho ông T1 và đại diện cho ông T1 trong các giao dịch dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1. Do vậy, bà X là người giám hộ của ông T1. Bà X có nghĩa vụ đại diện cho ông T1 trong các giao dịch dân sự, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1 và có quyền đại diện cho ông T1 trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1 theo quy định tại điểm b, d khoản 1 Điều 57 và điểm c khoản 1 Điều 58 của Bộ luật Dân sự.

[6]. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị X là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự, tuy nhiên bà X đã trên 60 tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà X được miễn nộp toàn bộ lệ phí.

[7]. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371 và 372 của BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 53, khoản 4 Điều 54, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 27; khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X.

2. Tuyên bố ông Lê Đình T1, sinh năm 1955, có HKTT tại thôn B, xã D, huyện K, tỉnh H, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

3. Về chỉ định người giám hộ cho ông Lê Đình T1: Bà Nguyễn Thị X là người giám hộ của ông Lê Đình T1. Bà X có nghĩa vụ đại diện cho ông T1 trong các giao dịch dân sự, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1 và có quyền đại diện cho ông T1 trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1.

4. Về lệ phí: bà Nguyễn Thị X được miễn nộp lệ phí việc dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện K;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã D;
- Lưu HS việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Thu H1